TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 26- 9 - 2022
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Thành
2. Bà Hồ Thị Đoan Vân

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Văn Tùng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2022/QĐST- HNGĐ ngày 06/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Long Đ, huyện C, tỉnh Long An. *(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Long Đ, huyện C, tỉnh Long An. (*vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/3/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Ngọc L trình bày: ông và bà H cưới nhau vào năm 2003, do mai mối tự nguyện, sau đó có đăng ký kết hôn vào ngày 09/7/2003 tại UBND xã Long Đ, huyện C, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau và đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên tình cảm không còn. Nay ông xác định giữa ông và bà H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Mỹ N, sinh ngày 31/7/2003 đã thành niên và Phạm Trọng P, sinh ngày 10/02/2005 đang sống với

ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Phạm Trọng P, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung. Ông L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn bà Trần Thị Mỹ H, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa hợp lệ nhưng bà H không nộp văn bản nêu ý kiến và cũng không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Ngọc L yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bà Trần Thị Mỹ H, Tòa án đã tống đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bà H không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông L, bà H.

[2]. Về nội dung: Ông Phạm Ngọc L và bà Trần Thị Mỹ H cưới nhau vào năm 2003, do mai mối tự nguyện, sau đó có đăng ký kết hôn vào ngày 09/7/2003 tại UBND xã Long Đ, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Ông L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo ông L trình bày do trong quá trình chung sống vợ chồng không có tình cảm, tính tình không hòa hợp, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau và không có thiện chí hàn gắn với nhau nên ông L yêu cầu ly hôn với bà H. Đối với bà H, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà H vẫn không đến Tòa án để giải quyết cho thấy bà H không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông L.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông L và bà H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xử chấp nhận cho ông L được ly hôn với bà H .

[5]. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Mỹ N, sinh ngày 31/7/2003 đã thành niên và Phạm Trọng P, sinh ngày 10/02/2005 đang sống với ông L. Hội đồng xét xử xét thấy, từ lúc vợ chồng ly thân đến nay con chung sống với ông L đang có cuộc sống ổn định, ông L đủ điều kiện nuôi con, nguyện vọng của con chung cũng muốn sống với ông L nên ông L yêu cầu được tiếp tục

nuôi con chung là phù hợp cần chấp nhận. Do ông L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Bà H không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Nếu bà H có căn cứ chứng minh ông L hạn chế quyền thăm nom con hoặc không đảm quyền lợi về mọi mặt của con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng một vụ án khác.

[7]. Về tài sản chung ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung ông Lân trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[8]. Về án phí: ông L phải chịu án phí theo qui định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc L về việc ly hôn đối với bà Trần Thị Mỹ H.

Về hôn nhân: ông Phạm Ngọc L được ly hôn với bà Trần Thị Mỹ H.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Mỹ N, sinh ngày 31/7/2003 đã thành niên và Phạm Trọng P, sinh ngày 10/02/2005. Ông L được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Trọng P, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con sau này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: ông Phạm Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006357 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An, ông L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định đực thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đực thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyên thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trang